



PHỤ LỤC 1

TỜ HỢP XÉT TUYỂN CHO CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO NĂM 2026

(Áp dụng đối với phương thức Xét tuyển dựa trên kết quả thi đánh giá năng lực do Trường tổ chức (PT1); Xét tuyển dựa trên năng lực học tập kết hợp phỏng vấn (PT2); Xét tuyển dựa trên kết quả thi tốt nghiệp THPT (PT4))

1.1 Chương trình đào tạo cấp một bằng tại USTH

STT	Chương trình đào tạo	Mã ngành	Tổ hợp môn xét tuyển	Mã TH
1	Công nghệ sinh học - Phát triển thuốc	7420201	Toán - Hóa học - Sinh học	B00
			Toán - Vật lí - Hóa học	A00
			Toán - Hóa học - Tiếng Anh	D07
			Toán - Sinh học - Tiếng Anh	B08
2	Hóa học	7440112	Toán - Vật lí - Hóa học	A00
			Toán - Hóa học - Sinh học	B00
			Toán - Hóa học - Tin học	X10
			Toán - Hóa học - Tiếng Anh	D07
3	Khoa học vật liệu tiên tiến và Công nghệ Nano	7440122	Toán - Vật lí - Tin học	X06
			Toán - Vật lí - Tiếng Anh	A01
			Toán - Vật lí - Hóa học	A00
			Toán - Hóa học - Tin học	X10
4	Khoa học Môi trường Ứng dụng	7440301	Toán - Vật lí - Hóa học	A00
			Toán - Hóa học - Sinh học	B00
			Toán - Hóa học - Tiếng Anh	D07
			Toán - Hóa học - Tin học	X10
5	Khoa học dữ liệu	7460108	Toán - Vật lí - Hóa học	A00
			Toán - Vật lí - Tiếng Anh	A01
			Toán - Vật lí - Tin học	X06
			Toán - Tin học - Tiếng Anh	X26
6	Toán ứng dụng	7460112	Toán - Vật lí - Tiếng Anh	A01
			Toán - Vật lí - Hóa học	A00
			Toán - Hóa học - Sinh học	B00
			Toán - Hóa học - Tiếng Anh	D07



SH

7	Công nghệ thông tin - Truyền thông	7480201	Toán - Vật lí - Hóa học	A00
			Toán - Vật lí - Tiếng Anh	A01
			Toán - Vật lí - Tin học	X06
			Toán - Tin học - Tiếng Anh	X26
8	An toàn thông tin	7480202	Toán - Vật lí - Hóa học	A00
			Toán - Vật lí - Tiếng Anh	A01
			Toán - Vật lí - Tin học	X06
			Toán - Tin học - Tiếng Anh	X26
9	Công nghệ Kỹ thuật Cơ điện tử	7510203	Toán - Vật lí - Tin học	X06
			Toán - Vật lí - Tiếng Anh	A01
			Toán - Vật lí - Hóa học	A00
10	Kỹ thuật Hàng không	7520120	Toán - Vật lí - Tin học	X06
			Toán - Vật lí - Tiếng Anh	A01
			Toán - Vật lí - Hóa học	A00
11	Khoa học Vũ trụ và Công nghệ Vệ tinh	7520121	Toán - Vật lí - Tin học	X06
			Toán - Vật lí - Tiếng Anh	A01
			Toán - Vật lí - Hóa học	A00
			Toán - Tin học - Tiếng Anh	X26
12	Kỹ thuật ô tô	7520130	Toán - Vật lí - Tin học	X06
			Toán - Vật lí - Tiếng Anh	A01
			Toán - Vật lí - Hóa học	A00
13	Kỹ thuật điện và Năng lượng tái tạo	7520201	Toán - Vật lí - Tin học	X06
			Toán - Vật lí - Tiếng Anh	A01
			Toán - Vật lí - Hóa học	A00
14	Công nghệ vi mạch bán dẫn	7520401	Toán - Vật lí - Tin học	X06
			Toán - Vật lí - Tiếng Anh	A01
			Toán - Vật lí - Hóa học	A00
			Toán - Tin học - Tiếng Anh	X26
15	Khoa học và Công nghệ thực phẩm	7540101	Toán - Hóa học - Sinh học	B00
			Toán - Vật lí - Hóa học	A00
			Toán - Sinh học - Tiếng Anh	B08
			Toán - Hóa học - Tiếng Anh	D07

VA
ON
HQ
HQ
G M
A M

ch

16	Khoa học và Công nghệ y khoa	7720601	Toán - Hóa học - Sinh học	B00
			Toán - Vật lí - Hóa học	A00
			Toán - Sinh học - Tiếng Anh	B08
			Toán - Hóa học - Tiếng Anh	D07
17	Dược học	7720201	Toán - Hóa học - Sinh học	B00
			Toán - Vật lí - Hóa học	A00
			Toán - Vật lí - Tiếng Anh	A01
			Toán - Hóa học - Tiếng Anh	D07

1.2. Chương trình liên kết đào tạo cấp song bằng

STT	Chương trình đào tạo	Mã ngành	Tổ hợp môn
1	Công nghệ sinh học - Phát triển thuốc	7420201-01	Toán - Hóa học - Sinh học
			Toán - Vật lí - Hóa học
			Toán - Hóa học - Tiếng Anh
			Toán - Sinh học - Tiếng Anh
2	Công nghệ thông tin - Truyền thông	7480201-01	Toán - Vật lí - Hóa học
			Toán - Vật lí - Tiếng Anh
			Toán - Vật lí - Tin học
			Toán - Tin học - Tiếng Anh
3	Hóa học	7440112-01	Toán - Hóa học - Vật lí
			Toán - Hóa học - Sinh học
			Toán - Hóa học - Tin học
			Toán - Hóa học - Tiếng Anh

SH